|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: 308/2009/QĐ-UBND |  | *Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 01 tháng 10 năm 2009* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**

**lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứPháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định của Pháp lệnh Phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khoá VIII, kỳ họp thứ 17 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số 1529/STNMT-VP ngày 25 tháng 9 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Lệ phí địa chính là khoản thu vào tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính.

Không áp dụng thu lệ phí địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân ở khu vực nông thôn hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

**Điều 2.** Mức thu lệ phí địa chính được quy định như sau:

a) Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Đối với các tổ chức: 100.000 đồng/giấy.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Khu vực các phường thuộc thành phố: 25.000 đồng/giấy.

\* Trường hợp cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đối với tổ chức: 20.000 đồng/giấy.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Khu vực các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/giấy.

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/giấy;

b) Mức thu lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, bao gồm: chứng nhận thay đổi chủ sử dụng đất, thay đổi hình thể, diện tích thửa đất và thay đổi mục đích sử dụng đất.

- Đối với tổ chức: 20.000 đồng/lần.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Khu vực các phường thuộc thành phố: 15.000 đồng/lần.

+ Khu vực khác: 7.500 đồng/lần;

c) Mức thu lệ phí trích bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính

- Đối với tổ chức: 20.000 đồng/lần.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Khu vực các phường thuộc thành phố: 10.000 đồng/lần.

+ Khu vực khác: 5.000 đồng/lần;

d) Mức thu lệ phí xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất

- Đối với tổ chức: 20.000 đồng/lần.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Khu vực các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/lần.

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

**Điều 3.** Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

1.Chế độ thu:

 - Cơ quan thu: cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực địa chính thực hiện việc tổ chức thu lệ phí khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu lệ phí địa chính đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ trường hợp mua nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở), tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thu lệ phí địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân.

Các đơn vị thu lệ phí địa chính có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu lệ phí tại địa điểm thu lệ phí.

- Hình thức thu: thu tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản (bằng tiền Việt Nam đồng). Biên lai thulệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2.Chế độ nộp, quản lý và sử dụng lệ phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 17Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ; Mục III Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính; khoản 5Điều 1 của Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ.

Lệ phí địa chính thu được thuộc ngân sách Nhà nước. Tổ chức thực hiện thu lệ phí được giữ lại 10% các khoản lệ phí thu được để trang trải cho việc thu lệ phí, phần lệ phí còn lại phải nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách Nhà nước.

Số tiền lệ phí để lại cho tổ chức thu được chi dùng cho các nội dung sau:

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc và thu lệ phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

- Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí như: văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí, … theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

- Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện công việc và thu lệ phí; khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc và thu lệ phí;

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc và thu lệ phí;

- Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc và thu lệ phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định trên.

**Điều 4.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí theo quy định hiện hành.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành. Những quy định tại Quyết định số 248/2006/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành mức thu phí dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và đo đạc bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH |
|  | Nguyễn Chí Dũng |